| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH ĐẠI**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **51**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đặng Hoàng Mích

2. Ông Bùi Tuấn Khanh.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại*** *tham gia phiên toà:*

Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 504/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thanh T, sinh năm 1997. *(Có mặt*)

HKTT: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã Y, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn:* Anh Cao Minh M, sinh năm 1990. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Huỳnh Thanh T trình bày:*

Chị và anh M cưới nhau vào năm 2017 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 8/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị T và anh M đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

*Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/01/2019 và ngày 18/3/2019, bị đơn anh Cao Minh M trình bày:*

Anh và chị T kết hôn năm 2017, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị sống có hạnh phúc, đến tháng 09/2018, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, anh M vẫn còn thương vợ, nên chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Anh Cao Minh M được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: chị Huỳnh Thanh T và anh Cao Minh M chung sống với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh M thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh M. Căn cứ vào lời trình bày của chị T; căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh M, chị T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân, do anh M không chịu làm ăn, không lo chăm sóc gia đình. Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải động viên, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn nhưng vẫn không được, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Xét thấy, đời sống chung của chị T, anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Hai bên khai không có nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị T phải chịu án phí là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thanh T đối với anh Cao Minh M.

Chị Huỳnh Thanh T được ly hôn anh Cao Minh M. Quan hệ hôn nhân của chị T, anh M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Hai bên khai không có nên không xét đến

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0019437 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được khấu trừ vào án phí, chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Trần Nguyễn Trọng Hiếu**